

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-PT

Ngày 09-02-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và tranh chấp tiền hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tôn

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 01, ngày 01 tháng 02, ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2022/TLPT-DS ngày 09/11/2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp tiền hụi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số /2022/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 472/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Kim Ph, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp Ph, xã Phú B, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: 1. Bà Trần Thị Í, sinh năm 1989;

2. Ông Nguyễn Hoài A, sinh năm 1982 (chồng bà Ít);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Phú B, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Đặng Thị Kim Ph, bà Trần Thị Í có mặt tại phiên tòa. Ông Nguyễn Hoài A vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Đặng Thị Kim Ph trình bày:** Vào khoảng đầu tháng 6/2020, bà Í đến gặp bà Ph để vay tiền, nhưng bà Ph không có tiền cho bà Í vay, nên bà Ph đi vay tiền của người khác về để cho bà Í vay lại (bà Ph vay lãi suất 2%/tháng về cho bà Í vay lại với lãi suất 3%/tháng). Khi vay tiền, bà Í có thể chấp cho bà Ph 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin và thỏa thuận trả lãi cho bà Ph hàng tháng, còn phần tiền gốc thì khi nào bà Í có tiền thì trả lại, bà Ph sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà Í. Đến ngày 27/7/2020 (DL) giữa bà Ph với bà Í có cộng lại sổ sách thì tổng số tiền bà Í vay của bà Ph là 850.000.000 đồng nên đã làm biên nhận lại cho bà Ph. Cũng trong thời gian này, bà Í có nhờ bà Ph chơi hụi giùm bà Í do bà X (6 H) làm chủ, các dây hụi bà Í chơi thì bà Í đã hốt rồi chỉ châu lại hụi chết. Do bà Í châu hụi chết không đầy đủ, nên bà 6 H buộc bà Ph phải có trách nhiệm châu thay cho bà Í (vì trong giấy hụi do bà Ph đứng tên). Ngày 10/8/2021(AL) bà Í làm giấy thỏa thuận ghi nợ bà số tiền 186.000.000 đồng (số tiền này là tiền hụi bà Í nợ bà 6 H), mỗi tháng đưa cho bà 4.000.000 đồng để bà nhập thêm 1.000.000 đồng nữa trả cho bà 6 H (bà 6 H buộc mỗi tháng châu hụi chết 5.000.000 đồng). Ngày 10/9/2021(AL), bà Í kêu bà chạy đến dốc cầu kênh Thị Xã (cách nhà bà Í khoảng 400 mét) để đưa cho bà số tiền 4.000.000 đồng để châu hụi cho bà 6 H, còn số tiền vay thì bà Í không trả cho bà Ph.

Nay bà Ph yêu cầu vợ chồng bà Í trả lại cho bà Ph số tiền vay gốc còn thiếu là 850.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 1,67%/tháng, kể từ khi bà Í làm biên nhận nợ ngày 27/7/2020 (DL) và trả lại số tiền hụi còn lại là 182.000.000đ (do đã trả được 4.000.000 đồng tiền hụi vào ngày 10/9/2021 (AL)).

- **Theo tờ tường trình, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Trần Thị Í trình bày:** Trước đây bà Í có tham gia chơi số đề do con bà Ph (tên L) bán, lúc đầu bà Í thua 50.000.000 đồng bà Ph đứng ra lãnh cho bà t. Sau đó bà Í chơi tiếp và tiếp tục thua với tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bà Í thua là 150.000.000 đồng nên ngày 10/5/2020, bà Ph có kêu bà Í làm biên nhận nợ bà Ph số tiền 150.000.000 đồng. D bà Í không có tiền đóng lãi cho bà Ph, nên ngày 27/7/2020 bà Ph có tính lãi và vốn thì bà Í nợ bà Ph 850.000.000 đồng, bà Ph buộc bà Í ghi biên nhận nợ bà Ph số tiền trên, cũng trong thời gian này, bà Í có nhờ bà Ph chơi hụi giùm, hụi do bà 6 H làm chủ. Sau khi chơi, bà Í không có tiền châu lại hụi chết nên bà Ph đứng ra châu thay cho bà Í nên bà Í có làm biên nhận nợ bà Ph số tiền hụi là 186.000.00 đồng. Do không có tiền trả nên giữa bà Í với bà Ph có thỏa thuận lại

số nợ thì số tiền bà Í thiếu bà Ph là 586.000.000 đồng, bà Í có trả cho bà Ph được 400.000.000 đồng tiền vay và 4.000.000 đồng tiền hui. Như vậy, hiện nay bà Í chỉ còn nợ bà Ph 182.000.000 đồng.

Nay bà Ph yêu cầu vợ chồng bà Í trả lại số tiền vay gốc còn thiếu là 850.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 1,67%/tháng, kể từ khi bà Í làm biên nhận nợ ngày 27/7/2020 (DL) và trả lại số tiền hui còn lại là 182.000.000 đồng, bà không đồng ý vì hiện nay bà chỉ còn nợ bà Ph 182.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số /2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Kim Ph đối với bà Trần Thị Í.

Buộc bà Trần Thị Í có trách nhiệm trả lại cho bà Đặng Thị Kim Ph số tiền vay gốc còn thiếu là 836.417.000đ (Tám trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

Bà Trần Thị Í tiếp tục chịu lãi của số tiền gốc nêu trên, kể từ ngày 15/4/2022, theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm), cho đến khi thi hành án xong số tiền nêu trên.

Buộc bà Trần Thị Í có trách nhiệm trả lại cho bà Đặng Thị Kim Ph số tiền hui còn thiếu là 182.000.000đ (Một trăm tám mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/8/2022, bà Í có đơn kháng cáo quá hạn và được chấp nhận tại quyết định số 396/2022/QĐ-PT ngày 29/8/2022: Kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm, không đồng ý trả số tiền 850.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả số tiền nợ là 182.000.000 đồng, yêu cầu xem xét lại tiền lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đặng Thị Kim Ph trình bày: Yêu cầu bà Trần Thị Í có trách nhiệm trả lại cho bà Đặng Thị Kim Ph số tiền vay gốc còn thiếu là 836.417.000 đồng và số tiền hui còn thiếu là 182.000.000 đồng. Không yêu cầu ông Nguyễn Hoài A liên đới trả nợ. Đối với 02 giấy chứng nhận QSDĐ bản chính bà Í thể chấp cho bà hiện nay bà đang giữ, bà và bà Í tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị Í trình bày: Bà Í xác định có làm biên nhận vay tiền số tiền là 850.000.000 đồng, biên nhận là do bà viết. Số tiền theo biên nhận là 850.000 đồng nhưng thực tế chỉ có 150.000.000 đồng còn lại là tiền lãi, bà có đóng tiền lãi cho bà Í hơn một năm nhưng việc đóng lãi không có giấy tờ nên không xác định được bao nhiêu tiền. Bà Í đồng ý trả số tiền vay là 850.000.000 đồng nhưng yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về tiền lãi đã đóng. Bà Í đồng ý trả cho bà Phượng số tiền hui còn thiếu là 182.000.000 đồng. Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà thế chấp cho bà Ph, bà với bà Ph sẽ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số /2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Í.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo quá hạn của bà Trần Thị Í hợp lệ nên được chấp nhận.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn Hoài A đến lần thứ hai nhưng ông Hoài A vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Í yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm, không đồng ý trả số tiền 850.000.000 đồng, bà Í chỉ nợ số tiền vay là 150.000.000 đồng, yêu cầu xem xét lại tiền lãi suất. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Í xác định bà Í đồng ý trả số tiền vay là 850.000.000 đồng theo biên nhận nhưng yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về tiền lãi đã đóng.

Xét thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu của bà Ph yêu cầu bà Í trả lại số tiền vay gốc còn thiếu 850.000.000 đồng, theo biên nhận ngày 27/7/2020. Xét thấy, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà Ph trình bày: Vào khoảng tháng 6/2020, bà Í có vay của bà Ph nhiều lần, mỗi lần từ 50.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng với lãi suất là 3%/tháng để về xây, sửa nhà. Đến ngày 27/7/2020 thì giữa bà Ph với bà Í có đối chiếu lại số tiền vay và làm lại 1 biên nhận, biên nhận ngày 27/7/2020 (DL) với số tiền là 850.000.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2021 bà Í không thừa nhận biên nhận tiền ngày 27/7/2020 là do bà viết, nhưng tại biên bản đối chất ngày 29/11/2021 và tại bản lấy lời khai ngày 11/02/2022, bà Í thừa nhận biên nhận trên là do bà viết và ký tên. Ngoài ra, tại bản kết luận giám định số 04/2021/QĐ-TCGD ngày 22/11/2021 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an cũng kết luận chữ ký và chữ viết trong biên nhận tiền ngày 27/7/2020 là do bà Í viết và ký tên, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà Í cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký tên trong biên nhận ngày 27/7/2020 là do bà viết và ký tên. Hội đồng xét xử xét việc trình bày và yêu cầu của bà Ph là có căn cứ.

[2.2] Theo ý kiến của bà Í trình bày: Số tiền vay 850.000.000 đồng, bà có trả cho bà Ph được 400.000.000 đồng theo biên nhận tiền ngày 10/9/2021(AL). Tuy nhiên bà Í cho rằng chỉ có nợ 150.000.000 đồng, số tiền còn lại theo biên nhận là tiền lãi nhưng bà Í lại trả cho bà Ph 400.000.000 đồng, xét việc trình bày của bà Í là mâu thuẫn và không phù hợp. Bà Ph cho rằng ngày 10/9/2021(AL) bà Í chỉ có trả cho bà số tiền hui 4.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 10/9/2021(AL), để bà trả tiền hui thay cho bà Í, do bà không biết chữ nên bà Í tự ghi biên nhận đưa cho bà ký tên. Tại Tờ tường trình ngày 08/4/2020 của bà Í trình bày: *“Thực tế biên nhận tôi làm cho chị Ph 400 triệu nhưng tôi chỉ đưa cho chị Ph 4 triệu đồng mà thôi, mục đích tôi làm như vậy là vì bà Ph tính lãi suất quá cao tôi không có trả nổi nên tôi làm biên nhận trên để khấu trừ số tiền lãi mà bà Ph đã tính cho tôi”*. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà Í thừa nhận trong biên nhận tiền ngày 10/9/2021(AL), thể hiện số tiền bà Ph nhận của bà 400.000.000 đồng nhưng thực tế bà Í chỉ đưa cho bà Ph 4.000.000 đồng, tiền hui theo thỏa thuận ngày 10/9/2021(AL). Hội đồng xét xử xét việc trình bày của bà Í cho rằng không có trả cho bà Ph 400.000.000 đồng mà chỉ đưa cho bà Ph 4.000.000 đồng để trả tiền hui là phù hợp và có căn cứ.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Í trình bày: Số tiền bà vay của bà Ph chỉ có 150.000.000 đồng nhưng do bà Ph tính tiền lãi quá cao (1.000.000đ/10.000đ/ngày) nên bà không có khả năng đóng lãi nên ngày 27/7/2020, bà Ph kêu bà vào nhà và ép buộc bà viết biên nhận, thừa nhận có vay của bà Ph số tiền 850.000.000 đồng, do lo sợ nên bà viết biên nhận. Xét thấy trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bà Í không có chứng cứ gì để chứng minh số tiền gốc ban đầu bà chỉ vay số tiền

150.000.000 đồng, số tiền còn lại 700.000.000 đồng theo biên nhận tiền ngày 27/7/2020 là tiền lãi. Mặt khác, theo bà Í trình bày thì bà bị bà Ph đe dọa, ép buộc viết biên nhận nợ số tiền trên, bà Í trình bày nhưng bà Í không cung cấp được chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa, bà Ph cũng không thừa nhận việc có ép buộc bà viết biên nhận trên mà biên nhận là do bà Í tự viết và đưa cho bà Ph. Hội đồng xét xử xét việc trình bày của bà Í là không phù hợp và không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với phần tiền lãi suất: Căn cứ vào biên nhận tiền ngày 27/7/2020, không thể hiện các bên cho vay số tiền trên với mức lãi suất là bao nhiêu %/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà Ph xác định cho bà Í vay tiền với lãi suất là 3%/tháng, bà Í cho rằng vay số tiền trên với mức lãi suất là 10%/tháng nhưng bà Í không có chứng cứ gì để chứng minh. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền hai bên cho vay với lãi suất là 3%/tháng, mức lãi suất này là quá cao so với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà Ph chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định là 1,67%/tháng, Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà Ph là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[4] Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm bà Ph trình bày: Từ khi cho bà Í vay số tiền trên, bà Í không đóng lãi cho bà, nhưng tại phiên tòa bà Ph thừa nhận sau khi cho bà Í vay số tiền trên, bà Í có đóng lãi cho bà được 12 tháng với lãi suất là 3%/tháng (tức là từ ngày 27/7/2020 đến ngày 27/7/2021). Bà Í cho rằng bà đã đóng lãi cho bà Ph rất nhiều tiền, nhưng bà Í không xác định được số tiền lãi mà bà đã đóng cho bà Ph được bao nhiêu. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Í không cung cấp được chứng cứ đã đóng lãi số tiền cụ thể cho bà Phụng, bà Ph không thừa nhận lời trình bày của bà Í. Hội đồng xét xử xét lời trình bày của bà Ph là phù hợp, lời trình bày của bà Í là không phù hợp và không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào biên nhận ngày 27/7/2020 (DL), do bà Ph và bà Í thống để xác định ngày vay tiền giữa hai bên. Như vậy số tiền lãi mà bà Í đã đóng cho bà Ph được tính như sau:

$850.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng (từ ngày 27/7/2020 đến ngày 27/7/2021)} = 306.000.000 \text{ đồng}.$

Do đó, phần tiền lãi suất được tính như sau:

$850.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng 18 ngày (từ ngày 27/7/2020 đến ngày 14/4/2022)} = 292.417.000 \text{ đồng},$ khấu trừ số tiền lãi bà Í đã đóng cho bà Phụng $306.000.000 \text{ đồng} - 292.417.000 \text{ đồng} = 13.583.000 \text{ đồng}.$ Như vậy, phần tiền lãi bà Í đóng lãi thừa cho bà Phụng là 13.583.000 đồng, số tiền này được khấu trừ vào số tiền gốc mà bà Í đã vay của bà Ph, cụ thể như sau:

$850.000.000 \text{ đồng} - 13.583.000 \text{ đồng} = 836.417.000 \text{ đồng}.$

Như vậy, bà Í còn nợ và phải chịu trách nhiệm trả cho bà Ph số tiền vay gốc là 836.417.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của bà Ph, yêu cầu bà Í phải trả lại số tiền hội còn thiếu là 182.000.000 đồng. Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Í thừa nhận trước đây có nhờ bà Ph đứng ra chơi hội giùm cho bà gồm 2 dây hội 3.000.000 đồng (mỗi dây tham gia 1 chân) và 2 dây hội 5.000.000 đồng (mỗi dây tham gia 1 chân), các dây hội này bà Í đã hốt hội xong. Sau khi bà Í hốt hội, không có tiền châu hội chết nên bà Mai Thị X (chủ hội) buộc bà Ph phải trả thay số tiền trên cho bà Í do giấy hội ghi tên của bà Ph nên giữa bà Í và bà Ph có lập giấy thỏa thuận nợ, bà Í nợ bà Ph số tiền hội là 186.000.000 đồng, mỗi tháng trả 4.000.000 đồng và bà Í có trả cho bà Ph được 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Í thừa nhận còn nợ tiền hội của bà Ph là 182.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Ph số tiền hội là 182.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét việc bà Ph yêu cầu bà Í trả số tiền hội là 182.000.000 đồng là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét lời trình bày của bà Í cho rằng: Số tiền vay nêu trên là tiền do bà Í chơi số đề với con bà Ph còn thiếu, bà Ph đứng ra lãnh cho bà và buộc bà ghi biên nhận thiếu số tiền 850.000.000 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bà Í có cung cấp tài liệu chứng cứ là các hình ảnh, bà Í xác định là hình ảnh chụp cắt từ mạng xã hội “Zalo” thể hiện bà Í có nhắn tin chơi số đề với người có tên là “L” là con của bà Ph. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2022 của chị Nguyễn Thị L (con bà Ph), chị L không thừa nhận có tham gia chơi số đề với bà Í và người tên “L” trong “Zalo” không phải là chị L. Với tài liệu, chứng cứ do bà Í cung cấp nêu trên không có cơ sở xác định số tiền vay theo biên nhận là 850.000.000 đồng là tiền do bà Í chơi số đề còn thiếu như bà Í trình bày, ngoài ra bà Í cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh cho lời trình bày của mình. Hội đồng xét xử xét lời trình bày của bà Í là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Trong quá trình bà Í vay tiền của bà Ph có thể chấp cho bà Ph 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy thứ nhất tên SÀ RUÔN, sinh năm 1932, diện tích đất là 19,920m², thuộc thửa 91, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp Hòa Lạc, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang; Giấy thứ hai tên Trần Thị Í, sinh năm 1989, diện tích đất là 30,000m², thuộc thửa 56, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp Hòa Lạc, xã Đ, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang) để làm tin, trong quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ph và bà Í không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ph xác định 02 giấy chứng nhận QSDĐ (bản chính) nêu trên do bà Ph đang giữ, bà Ph và bà Í không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với 02

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Ít thể chấp cho bà Ph nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Trong quá trình khởi kiện, bà Ph có yêu cầu ông Nguyễn Hoài A (chồng bà Í) cùng có trách nhiệm trả số tiền trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bà Ph chỉ yêu cầu cá nhân bà Ít có trách nhiệm trả số tiền trên cho bà Phụng, không yêu cầu ông Hoài A liên đới trả nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không có yêu cầu thu thập tài liệu chứng cứ, không yêu cầu triệu tập người làm chứng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Từ các căn cứ, nhận định và phân tích nêu trên, xét thấy án sơ thẩm xét xử là có căn cứ.

[11] Hội đồng xét xử xét việc kháng cáo của bà Í là không có căn cứ chấp nhận.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[13] Xét việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[14] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Í nên bà Í phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1- Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 26, Điều 38, Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Í.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số /2022/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Kim Ph yêu cầu bà Trần Thị Í trả số tiền vay gốc còn thiếu là 836.417.000 đồng và số tiền hụi còn thiếu là 182.000.000 đồng.

Buộc bà Trần Thị Í có trách nhiệm trả lại cho bà Đặng Thị Kim Ph số tiền vay gốc còn thiếu là 836.417.000 đồng (Tám trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

Buộc bà Trần Thị Í có trách nhiệm trả lại cho bà Đặng Thị Kim Ph số tiền hụi còn thiếu là 182.000.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Kim Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị Kim Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.540.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003160, ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam N.

Bà Trần Thị Í phải chịu 42.552.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Í phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013170 ngày 20/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T).

Lê Thành Tôn